

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 18 - 8 - 2022  
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH C**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nông Thanh Lịch

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Hoàng Chí Cốt  
Bà Hoàng Thị Viễn

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thiết – Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh C.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1978. Trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh C. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Lâm Văn D, sinh năm 1978. Trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh C.

Hiện nay đang chấp hành án tại Đội 8, phân trại số 3, Trại giam N, huyện T, tỉnh B. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là bà Hoàng Thị T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị T và ông Lâm Văn D kết hôn ngày 18/3/2001, trước khi kết hôn được tìm hiểu và kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H (trước đây là huyện T), tỉnh C. Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, đến năm 2004 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bà T phát hiện Ông D nghiện ma túy, bà T đã nhiều lần khuyên Ông D cai nghiện, Ông D đồng ý nhưng hết lần này đến lần khác vẫn không cai nghiện được và đã dẫn đến vi phạm pháp luật về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Nay bà T xác định không thể chịu đựng thêm

những áp lực cuộc sống cảnh chồng nghiện ngập, tù tội nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống bà T và Ông D có 01 con chung là cháu Lâm Hiệp T, sinh ngày 15/7/2002, hiện nay đang là sinh viên tại Trường FPT Arena 264 Đội Cấn, phường C, quận B, thành phố H. Hiện nay con chung đã trưởng thành, tự nuôi sống được bản thân nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T xác định ông bà không có tài sản chung vì đã chuyển hết cho con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác định ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2022 bị đơn là ông Lâm Văn D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà T kết hôn vào tháng 2 năm 2001 âm lịch, trước khi kết hôn hai bên được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H (trước đây là huyện T), tỉnh C. Từ khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, việc bà T đề nghị ly hôn với Ông D là do Ông D vi phạm pháp luật bị xử phạt 03 năm tù, Ông D phải đi chấp hành án phạt tù từ tháng 3 năm 2021 đến nay, từ đó vợ chồng không gặp nhau. Nay Ông D xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn Ông D nhất trí.

Việc Tòa án giải quyết vụ án Ông D không thể về tham gia được vì đang chấp hành án nên Ông D xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải, xét xử tại Tòa án.

Về con chung: Ông D xác nhận ông và bà T có 01 con chung là cháu Lâm Hiệp T, sinh ngày 15/7/2002 hiện đang là sinh viên Trường FPT Arena 264 Đội Cấn, phường C, quận B, thành phố H. Nay cháu Lâm Hiệp T đã trưởng thành Ông D không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Ông D xác nhận tài sản chung của vợ chồng bà T đã chuyển hết cho con chung là đúng, về công sức đóng góp, nghĩa vụ về tài sản, ruộng đất canh tác... Ông D không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh C có quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX):

Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 48, Điều 97, 198 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS); Về thụ lý vụ án đúng theo điều 195, Điều 196 BLTTDS; Xác định đúng tư cách tố tụng của những người tham gia tố tụng; Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 BLTTDS; Công khai chứng cứ đúng quy định tại Điều 210 BLTTDS; Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định tại Khoản 2 điều 220 BLTTDS; Tổng đạt các văn bản quyết định cho đương sự đúng hạn luật định.

Tại phiên tòa: Thành phần HĐXX đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS; HĐXX đảm bảo đúng các nguyên tắc theo quy định tại Điều 12, Điều 15, Điều 16

BLTTDS; thư ký đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 của BLTTDS; kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn quy định tại điều 70, Điều 71 BLTTDS, có mặt tại phiên tòa theo đúng quy định và thực hiện đúng nội quy phiên tòa theo Điều 227 và Điều 234 BLTTDS; Bị đơn vắng mặt có lý do đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại điều 70, Điều 72 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Hoàng Thị T và buộc nguyên đơn Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn Lâm Văn D hiện đang chấp hành án tại Trại Giam N, huyện T, tỉnh B, có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh C, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh C.

Về tiến hành hòa giải vụ án: Quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Hoàng Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do ông Lâm Văn D đang chấp hành án tại Trại giam N, huyện T, tỉnh B. Do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại điểm 4 khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về kết quả phiên họp công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác cho ông Lâm Văn D theo đúng quy định của BLTTDS, ông Lâm Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Hoàng Thị T không đề nghị hoãn phiên tòa nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông Lâm Văn D theo quy định tại các điều 227, 228 BLTTDS.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị T và ông Lâm Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2003 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H (trước đây là huyện T), tỉnh C, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa bà T và Ông D là hợp pháp.

HĐXX xét thấy theo lời trình bày của bà T sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2004 hai bên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do Ông D nghiện ma túy, bà T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng Ông D vẫn không cai nghiện được, dẫn tới việc vi phạm pháp luật về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ông D cũng thừa nhận việc bà T yêu cầu ly hôn là do Ông D vi phạm pháp luật phải chấp hành án phạt tù từ tháng 03 năm 2021, đến nay bà T và

Ông D đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống với nhau, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, Ông D nhất trí cho thấy tình trạng hôn nhân của bà T và Ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở để được HĐXX chấp nhận theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà T và Ông D xác nhận ông bà có 01 con chung là cháu Lâm Hiệp T, sinh ngày 15/7/2002 hiện đang là sinh viên Trường FPT Arena 264 Đội Cấn, phường C, quận B, thành phố H. Hiện nay cháu Lâm Hiệp T đã trưởng thành bà T và Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Bà T và Ông D xác nhận đã chuyển hết tài sản chung cho con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Bà T và Ông D xác nhận ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] *Án phí*: Bà Hoàng Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét các đề nghị của đại diện viện kiểm sát về các vấn đề trong vụ án tại phiên tòa là có căn cứ và đúng quy định pháp luật, phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T. Bà Hoàng Thị T được ly hôn với Ông Lâm Văn D.

2. *Về con chung*: Bà T và Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xem xét.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà T và Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xem xét.

4. *Về án phí*: Bà Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã được nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002616 ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh C.

5. *Về quyền kháng cáo*: Bà Hoàng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lâm Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh C;
- VKSND tỉnh C;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HĐXX SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nông Thanh Lịch**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Chí Cốt**

**Hoàng Thị Viễn**

**Nông Thanh Lịch**



**THÀNH VIÊN HĐXX**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đàm Danh Tuyên**

**Triệu Thị Hoa**

**Nông Thanh Lịch**